

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN HUYỀN TRANG

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
VỀ KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT TRONG
TÌNH HÌNH XÃ HỘI HIỆN NAY

Chuyên ngành : Luật dân sự

Mã số : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Hà Thị Mai Hiền

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2012.

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM	6
1.1. Quan niệm về kết hôn trái pháp luật	6
1.1.1. Quan niệm kết hôn hợp pháp là cơ sở để xác định việc kết hôn trái pháp luật	6
1.1.2. Quan niệm về kết hôn trái pháp luật	10
1.2. Hệ quả của việc kết hôn trái pháp luật và việc xử lý	14
1.2.1. Hệ quả về mặt pháp lý	14
1.2.2. Hệ quả về mặt xã hội	15
1.2.3. Mục đích, ý nghĩa của việc xử lý kết hôn trái pháp luật	16
1.3. Các yếu tố tác động đến việc kết hôn trái pháp luật	17
1.3.1. Kinh tế - xã hội	17
1.3.2. Văn hóa truyền thống	19
1.3.3. Cơ chế quản lý và pháp luật	19
1.3.4. Hội nhập quốc tế	21
1.3.5. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật - công nghệ	22
1.4. Pháp luật về kết hôn trái pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn phát triển	23
1.4.1. Những quy định về kết hôn trái pháp luật trong cổ luật Việt Nam	23
1.4.2. Những quy định về kết hôn trái pháp luật trong pháp luật Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945	26
1.4.3. Những quy định về kết hôn trái pháp luật trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975	28

1.4.4. Những quy định về kết hôn trái pháp luật trong pháp luật Việt Nam từ năm 1975 đến nay	31
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	35
2.1. Thực trạng các trường hợp kết hôn trái pháp luật và điều chỉnh pháp luật ở Việt Nam hiện nay	35
2.2. Thực trạng kết hôn trái pháp luật do vi phạm độ tuổi kết hôn	36
2.3. Kết hôn trái pháp luật do vi phạm về sự tự nguyện	41
2.4. Kết hôn với những người đang có vợ hoặc có chồng	48
2.5. Kết hôn với những người mất năng lực hành vi dân sự	54
2.6. Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ, những người có họ trong phạm vi ba đời hoặc đã từng có quan hệ thích thuộc	58
2.7. Kết hôn giữa những người cùng giới tính	61
2.8. Kết hôn trái pháp luật do vi phạm về đăng ký kết hôn	67
2.9. Vấn đề hủy kết hôn trái pháp luật	72
2.9.1. Người có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật	72
2.9.2. Việc xử lý cụ thể đối với từng trường hợp kết hôn trái pháp luật	75
2.9.3. Hậu quả pháp lý của hủy việc kết hôn trái pháp luật	79
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	82
3.1. Nhu cầu khách quan và phương hướng hoàn thiện pháp luật về kết hôn trái pháp luật	82
3.1.1. Nhu cầu khách quan	82
3.1.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về kết hôn và kết hôn trái pháp luật	84
3.2. Một số giải pháp và kiến nghị trong việc quy định về kết hôn trái pháp luật và xử lý việc kết hôn trái pháp luật ở Việt Nam	86
3.2.1. Các giải pháp lập pháp	86
3.2.2. Giải pháp trong việc áp dụng pháp luật	89

KẾT LUẬN	91
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Hôn nhân là một hiện tượng xã hội, là sự liên kết giữa một người đàn ông và một người đàn bà được pháp luật thừa nhận để xây dựng gia đình và chung sống với nhau suốt đời. Sự liên kết đó phát sinh và hình thành do việc kết hôn. Do đó, kết hôn đã trở thành một chế định được quy định độc lập trong hệ thống pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Tại đó quy định cụ thể về những điều kiện kết hôn hợp pháp cũng như các hình thức kết hôn trái pháp luật.

Ngày nay, cùng với sự phát triển của xã hội, những mối quan hệ cũng như những vấn đề về tâm sinh lý của con người ngày càng trở nên phức tạp. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến quan hệ hôn nhân, gia đình, trong đó có việc kết hôn giữa hai bên. Trên thực tế đã có rất nhiều trường hợp kết hôn trái pháp luật gây ra những ảnh hưởng vô cùng tiêu cực đến mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, đến lối sống và đạo đức xã hội. Trong khi đó, hệ thống pháp luật lại chưa thể dự liệu cũng như điều chỉnh một cách toàn diện. Kết hôn trái pháp luật vẫn tồn tại như một hiện tượng xã hội không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên chủ thể mà còn ảnh hưởng đến đạo đức và trật tự xã hội. Do đó, nghiên cứu về kết hôn trái pháp luật trong đời sống xã hội hiện nay là vô cùng cần thiết. Không chỉ nhằm dự liệu thêm các trường hợp phát sinh, mà quan trọng hơn đó là hoàn thiện hơn nữa cách khắc phục, giải quyết các trường hợp vi phạm đó. Có như vậy ý nghĩa của chế định này mới được phát huy, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Kết hôn trái pháp luật luôn được là một vấn đề nóng bỏng trong thực tiễn cuộc sống, một vấn đề đáng quan tâm trong hệ thống pháp luật. Do vậy, trong thời qua ở Việt Nam cũng đã có một số công trình nghiên cứu về vấn đề này. Đã có một số bài viết mang tính chất nghiên cứu một số nội dung của vấn đề kết hôn trái pháp luật được đăng tải trên tạp chí Luật học, Tạp chí Nhà nước và pháp luật... kể cả một số luận văn thạc sĩ và luận văn tiến sĩ

luật học nghiên cứu liên quan. Có thể kể ra một số công trình nghiên cứu chủ yếu như: *Hủy kết hôn trái pháp luật trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000*, Khóa luận tốt nghiệp của Đinh Thị Minh Mẫn, Trường Đại học Hà Nội, 2008; *Chế định kết hôn trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000*, Luận văn thạc sĩ luật học của Khuất Thị Thúy Hạnh, Khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội. Hay như một số các bài báo, tạp chí chuyên ngành luật được đăng tải trên các Tạp chí Tòa án nhân dân, Tạp chí Kiểm sát, tạp chí Dân chủ và pháp luật, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Tạp chí Luật học... cũng đã có đề cập tới vấn đề này, tuy nhiên chỉ dừng lại một khía cạnh nào đó.

Như vậy, có thể nhận thấy mỗi công trình nghiên cứu là một sự khai thác khác nhau, nhìn nhận vấn đề dưới các góc độ khác nhau. Với công trình của mình, em sẽ tiếp cận vấn đề một cách tổng quan về lý luận cũng như thực tiễn của việc kết hôn trái pháp luật. Do đó, công trình sẽ không phải là sự lặp lại của bất kỳ công trình nào trước đó.

3. Mục đích, nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là làm sáng tỏ khái niệm kết hôn trái pháp luật cũng như đường lối giải quyết việc kết hôn trái pháp luật. Nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề lý luận cũng như các quy định pháp lý về vấn đề kết hôn trái pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đảm bảo trật tự xã hội. Đồng thời, phân tích, đánh giá, nhìn nhận thực trạng và xu hướng phát triển các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp, kiến nghị góp phần hoàn thiện chính sách pháp luật của Nhà nước về vấn đề kết hôn trái pháp luật và khắc phục hậu quả của kết hôn trái pháp luật.

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận văn cần phải giải quyết được những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Nghiên cứu một số vấn đề lý luận kết hôn trái pháp luật như: Quan niệm kết hôn hợp pháp, kết hôn trái pháp luật; những yếu tố tác động tới tình trạng kết hôn trái pháp luật; Hệ quả của việc kết hôn trái pháp luật và hướng xử lý...

- Đánh giá thực trạng tình hình kết hôn trái pháp luật trong xã hội hiện nay, các quy định pháp luật thực định cũng như việc áp dụng pháp luật trong việc xử lý các vi phạm.

- Đánh giá chung về nhu cầu và phương hướng hoàn thiện pháp luật Hôn nhân và gia đình về kết hôn cũng như kết hôn trái pháp luật. Qua đó kiến nghị và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: Là một số vấn đề lý luận về kết hôn trái pháp luật, các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2000; pháp luật hôn nhân và gia đình của Việt Nam qua các thời kỳ về vấn đề này; tình trạng kết hôn trái pháp luật trong những năm gần đây và thực trạng pháp luật điều chỉnh cũng như các thiết chế đảm bảo thực thi việc áp dụng pháp luật trong việc xử lý kết hôn trái pháp luật.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài: Trong pháp luật Hôn nhân và gia đình, vấn đề kết hôn trái pháp luật có thể được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, với tên đề tài: **Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về kết hôn trái pháp luật trong tình hình xã hội hiện nay**, luận văn sẽ chủ yếu đề cập đến các vấn đề lý luận xung quanh quan niệm kết hôn trái pháp luật; những quy định về kết hôn trái pháp luật trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 cũng như thực tiễn kết hôn trái pháp luật trong xã hội hiện nay. Từ đó tìm ra những bất cập và đưa ra các phương hướng giải quyết.

5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Phương pháp luận sử dụng chung cho mọi đề tài khoa học là phương pháp biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác-Lê nin và luận văn này cũng không nằm ngoài thông lệ đó. Đồng thời, tác giả còn sử dụng các phương pháp hỗ trợ như phương pháp so sánh, tổng hợp, đối chiếu, lịch sử để nhằm đánh giá vấn đề một cách khách quan, toàn diện nhất.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về kết hôn trái pháp luật theo pháp luật Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng pháp luật hiện hành về kết hôn trái pháp luật và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp cơ bản hoàn thiện pháp luật về kết hôn trái pháp luật ở nước ta hiện nay.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1.1. Quan niệm về kết hôn trái pháp luật

1.1.1. Quan niệm kết hôn hợp pháp là cơ sở để xác định việc kết hôn trái pháp luật

Nhìn từ góc độ xã hội học, quan hệ hôn nhân gia đình là một hình thức của quan hệ xã hội được xác lập giữa hai chủ thể nam và nữ, quan hệ này tồn tại và phát triển theo quy luật của tự nhiên với mục đích đảm bảo sự sinh tồn, phát triển của xã hội loài người. Ngay cả khi không có bất kỳ một quy tắc, một quy định nào thì quan hệ hôn nhân gia đình từ trước đến nay vẫn được xác lập, con người vẫn chung sống, vẫn sinh con đẻ cái và tiếp nối từ thế hệ này qua thế hệ khác. Do đó, quyền kết hôn là một quyền tự nhiên rất con người, quyền con người. Tuy nhiên, trải qua các giai đoạn lịch sử, với sự xuất hiện của các hình thái kinh tế xã hội khác nhau, những quy tắc xã hội dần dần xuất hiện nhằm điều chỉnh những quan hệ xã hội khách quan mang tính ý chí. Kết hôn không còn là một quyền tự do, bản năng của con người mà trở thành một quan hệ xã hội được điều chỉnh, tác động bởi những quan hệ về lợi ích của giai cấp thống trị. Khi ấy, mới bắt đầu xuất hiện những quan niệm đầu tiên về hôn nhân hợp pháp hay không hợp pháp. Trải qua các thời kỳ khác nhau, quan hệ hôn nhân trước hết được điều chỉnh bởi những tập quán, những ước lệ, bắt đầu xuất hiện những quy định về cấm kết hôn giữa những thế hệ thực hệ, giữa bố với con gái, mẹ và con trai, ông bà với

cháu, dần dần cấm kết hôn giữa cả những thế hệ bàng hệ, giữa anh chị em ruột với nhau. Cho đến giai đoạn phồn thịnh của tôn giáo thì những trật tự tôn giáo do giáo chủ đặt ra còn có sức mạnh cưỡng chế, áp đặt hơn nhiều so với các tập tục, ước lệ trước kia. Dưới thời kỳ này, quan niệm về hôn nhân trái pháp luật chính là những quan hệ hôn nhân không tuân thủ những trật tự tôn giáo của xã hội. Xã hội phát triển đến thời kỳ phong kiến, hôn nhân mang tính chất dân sự, tức là sự bày tỏ ý chí của các bên. Song hôn nhân không đơn thuần là sự kết hợp giữa đôi bên mà hôn nhân còn là sự giao lưu giữa các dòng họ kèm theo đó là những mục đích về kinh tế, chính trị nhất định. Chính vì vậy mà sự quyết định của cha mẹ là yếu tố bắt buộc trong quan hệ hôn nhân, giữa hai gia đình thì nhất định là phải môn đăng hộ đối... Như vậy, có thể khái quát rằng, trải qua các giai đoạn phát triển khác nhau của xã hội, những yếu tố về kinh tế, chính trị, văn hóa đã dần được hình thành và tác động trực tiếp tới các quy luật tự nhiên, điều chỉnh các mối quan hệ tự nhiên đó theo những chuẩn mực mà xã hội đặt ra vì mục đích lợi ích của giai cấp thống trị.

Chỉ đến khi trong xã hội loài người có sự xuất hiện của pháp luật thì quan hệ hôn nhân gia đình từ một quan hệ tự nhiên mới chính thức được xem xét trên khía cạnh một quan hệ pháp luật về hôn nhân gia đình. Khi đó, quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình là những quan hệ ý chí và phụ thuộc chặt chẽ vào ý chí pháp luật hay chính là những quy định pháp luật. Dưới góc độ pháp luật, kết hôn là một sự kiện pháp lý nhằm xác lập quan hệ vợ chồng giữa nam và nữ theo quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn. Để đảm bảo tạo ra những tế bào tốt, những gia đình ổn định, lành mạnh thì trước hết ngay từ việc kết hôn của hai bên nam nữ đã phải tuân thủ theo những điều kiện nhất định, sao cho cuộc hôn nhân đó được pháp luật cũng như xã hội công nhận. Vậy quan niệm thế nào là kết hôn hợp pháp? Theo quy định của hệ thống pháp luật về Hôn nhân gia đình tại Việt Nam hiện nay thì nam nữ kết hôn được coi là hợp pháp khi đảm bảo hai yếu tố sau:

Thứ nhất, phải thể hiện ý chí của cả nam và nữ là mong muốn được kết hôn với nhau, ý chí và mong muốn đó được thể hiện bằng lời khai của họ

trong tờ khai đăng ký kết hôn cũng như trước các cơ quan đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, việc kết hôn phải được Nhà nước thừa nhận. Hôn nhân chỉ được Nhà nước thừa nhận khi việc xác lập quan hệ hôn nhân mà cụ thể là việc kết hôn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn.

1.1.2. Quan niệm về kết hôn trái pháp luật

Trước hết cần khẳng định rằng, kết hôn trái pháp luật là một khái niệm pháp lý được pháp luật quy định và điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, đứng trên góc độ lý luận, để tìm hiểu những quan niệm sâu xa của vấn đề này thì cần đặt nó trong sự tác động của các yếu tố kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội của mỗi thời kỳ. Bởi trong một xã hội có giai cấp, quan hệ hôn nhân bị chi phối bởi ý chí của giai cấp thống trị. Thông qua Nhà nước, bằng pháp luật, giai cấp thống trị tác động vào các quan hệ hôn nhân và gia đình làm cho các quan hệ này phát sinh, thay đổi, chấm dứt phù hợp với lợi ích của giai cấp đó.

Trong xã hội phong kiến, khi mà pháp luật là ý chí của một bộ phận rất nhỏ trong xã hội - tầng lớp quan lại, vua chúa, họ mặc nhiên đề ra những quy định điều chỉnh những quan hệ về hôn nhân gia đình mà theo họ là phù hợp và đương nhiên cũng sẽ trở thành những nguyên tắc chung của toàn xã hội. Ở thời kỳ đó, hôn nhân trái pháp luật được quan niệm là những cuộc hôn nhân không tuân thủ các điều kiện kết hôn như: không "môn đăng hộ đối", những quan hệ hôn nhân không được sự đồng ý của cha mẹ, họ hàng... Những quy định này thể hiện rất rõ trong Bộ luật Hồng Đức và Bộ luật Gia Long của nước ta.

Tương tự như vậy, đối với các nước tư bản, chính những điều kiện sống, những yếu tố về xã hội, con người, kinh tế cũng đã quyết định đến những quan niệm của xã hội, theo đó, pháp luật điều chỉnh cũng có những xu hướng phù hợp. Về vấn đề kết hôn, có thể nói pháp luật của một số nước thuộc hệ thống Tư bản chủ nghĩa có những cách nhìn nhận rất khác với pháp luật của Việt Nam. Do đó, những căn cứ để xác định kết hôn hợp pháp và kết

hôn không hợp pháp cũng có những khác biệt. Ví dụ như do các điều kiện về kinh tế, khí hậu, sinh học... khiến con người phát triển nhanh hơn, sự trưởng thành về thể lực cũng như trí lực sẽ khác với người Châu Á như Việt Nam, như vậy, điều kiện về tuổi kết hôn cũng sẽ phải điều chỉnh cho phù hợp. Hay việc kết hôn đồng giới hiện nay đã được thừa nhận tại một số quốc gia là kết hôn hợp pháp. Không chỉ được pháp luật thừa nhận mà ngay cả dư luận, cả xã hội cũng chấp nhận và ủng hộ việc đó.

Như vậy kết hôn trái pháp luật theo quan niệm của Việt Nam chính là việc xác lập quan hệ vợ chồng không có đăng ký kết hôn hoặc có đăng ký kết hôn nhưng vi phạm điều kiện kết hôn do pháp luật quy định, cụ thể là vi phạm một trong những điều kiện sau: Vi phạm điều kiện về độ tuổi; Vi phạm điều kiện về yếu tố tự nguyện; Thuộc các trường hợp cấm kết hôn; Vi phạm các điều kiện về đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Những cơ sở đó được hình thành từ chính cuộc sống và con người Việt Nam, dựa trên những yếu tố về văn hóa, về sự phát triển sinh học của con người, sự phát triển của kinh tế, xã hội...

1.2. Hệ quả của việc kết hôn trái pháp luật và việc xử lý

1.2.1. Hệ quả về mặt pháp lý

Từ việc định nghĩa kết hôn trái pháp luật ta có thể hiểu đó là một hành vi vi phạm những điều kiện kết hôn, rơi vào những điều cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000. Những hành vi như vậy ắt hẳn sẽ dẫn đến những hậu quả cho xã hội. Xét dưới góc độ pháp lý, hành vi kết hôn trái pháp luật trước kết xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của công dân., vi phạm những quy định của pháp luật liên quan đến việc bảo vệ trẻ em, thậm chí còn có thể phạm vào một số tội quy định trong Bộ luật hình sự.

Không chỉ gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, việc kết hôn trái pháp luật còn ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước. Những cuộc hôn nhân không hợp pháp, kết hôn không có đăng ký kết hôn khiến cho các cơ quan nhà nước khó có thể nắm

bắt và quản lý được các vấn đề liên quan đến hộ tịch, khai sinh hay giải quyết những tranh chấp khác.

1.2.2. Hệ quả về mặt xã hội

Quan hệ hôn nhân vốn là một quan hệ xã hội, chính vì vậy, trước những hành vi kết hôn trái pháp luật dẫn đến những cuộc hôn nhân bất hợp pháp không chỉ gây ra những hệ quả về pháp lý mà chắc chắn sẽ còn gây ra những hệ quả về mặt xã hội một cách nặng nề. Kết hôn trái pháp luật không thể tạo ra những gia đình hạnh phúc, lành mạnh. Một gia đình được hình thành và tồn tại để thực hiện tốt những chức năng của nó phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu của hai bên nam nữ, sự thương yêu, gắn kết và tự nguyện chung sống, thực hiện tốt bổn phận của mình, phải được thiết lập giữa những chủ thể khác giới có đầy đủ những tiêu chuẩn về thể lực, sinh lý, tâm lý...

1.2.3. Mục đích, ý nghĩa của việc xử lý kết hôn trái pháp luật

- Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho các chủ thể trong quan hệ hôn nhân gia đình. Đặc biệt hướng tới bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.
- Đảm bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.
- Trong quá trình xử lý kết hôn trái pháp luật, cần phải dung hòa được lợi ích của nhà nước và của các chủ thể.

Chính bởi những phân tích trên có thể thấy rằng hành vi kết hôn trái pháp luật ảnh hưởng rất lớn đến các mối quan hệ xã hội cũng như những quyền và lợi ích cơ bản của công dân. Do đó việc xử lý kết hôn trái pháp luật là hết sức cần thiết, mang lại những ý nghĩa to lớn. Một mặt bảo vệ được pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân song cũng lại rất mềm dẻo, linh hoạt phù hợp với thực tế cuộc sống.

1.3. Các yếu tố tác động đến việc kết hôn trái pháp luật

1.3.1. Kinh tế - xã hội

Kinh tế là một yếu tố hết sức quan trọng ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tất cả các mối quan hệ trong xã hội, trong đó có quan hệ hôn nhân gia đình. Mục đích kinh tế được đặt lên trên khiến người ta có thể dễ dàng bỏ qua những lễ sống, những chuẩn mực. Kết hôn lại được chuyển hóa thành

những hợp đồng, những thỏa thuận mang nặng mục đích kinh tế mà coi nhẹ đi những chức năng của gia đình. Cũng vì vậy mà những cuộc hôn nhân không hạnh phúc và tỷ lệ ly hôn ngày nay đang gia tăng, vẫn bởi những lý do rất xưa cũ nhưng bản chất của nó thì không đơn thuần như những lý do thời trước mà nguy hiểm hơn nó còn trở thành một lối sống, một lối tư duy... Trong một bối cảnh xã hội như vậy sẽ dẫn đến việc hình thành những lối sống hiện đại, những lối sống mang tính chất "thoáng" hơn. Do đó, cách xử sự của các chủ thể trong những mối quan hệ xã hội cũng tất yếu bị ảnh hưởng. Vì những lý do, những mục đích khác nhau, họ có thể coi nhẹ giá trị của gia đình, của hôn nhân, và điều đó dẫn đến vi phạm những quy định về hôn nhân hợp pháp là điều không thể tránh khỏi.

1.3.2. Văn hóa truyền thống

Cùng với sự phát triển của kinh tế, khoa học, xã hội, văn hóa Việt Nam cũng đã có những biến chuyển sâu sắc, ảnh hưởng không nhỏ đến lối sống, cách sống của những cá nhân trong xã hội. Nếu như trước đây, việc chung sống như vợ chồng hay những quan hệ ngoại tình, quan hệ ngoài hôn nhân bị xã hội, dư luận lên án hết sức gay gắt và phải chịu những chế tài khắc nghiệt, khắc nghiệt đến mức tước bỏ cả những quyền tự do của cá nhân, thì đến xã hội ngày nay, những quan niệm hủ tục, những định kiến lạc hậu đã được bãi bỏ, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân được hưởng những quyền tự do, dân chủ, đó là một tác động hết sức tích cực. Song bên cạnh đó, sự suy thoái về lối sống cũng không thể tránh khỏi, vì sống "thoáng" hơn nên những cuộc hôn nhân ngoài giá thú, những quan hệ ngoại tình ngay một gia tăng. Những hiện tượng chưa từng xuất hiện, hay trước kia chỉ giám lén lút, thì nay đang có xu hướng công khai và gia tăng như việc kết hôn đồng giới, việc sống "thử", ngoại tình... Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến hạnh phúc gia đình, đến sự ổn định trong cuộc sống.

1.3.3. Cơ chế quản lý và pháp luật

Hiện nay, chúng ta vẫn quản lý con người theo hộ khẩu, tức là lối quản lý theo hộ gia đình chứ không phải quản lý theo chứng minh thư nhân dân của từng cá nhân. Chính điều đó sẽ khiến cho việc quản lý về tình trạng hôn

nhân của mỗi người khó khăn hơn rất nhiều, vậy nên vẫn còn nhiều những tương hợp kết hôn trái pháp luật do vi phạm chế độ một vợ một chồng.

1.3.4. Hội nhập quốc tế

Hội nhập quốc tế là một xu thế toàn cầu, hội nhập giúp mở rộng thị trường để thúc đẩy thương mại và các quan hệ kinh tế quốc tế khác, từ đó thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội; hội nhập giúp tiếp thu công nghệ mới thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài và chuyển giao công nghệ từ các nước tiên tiến; giúp bổ sung những giá trị và tiến bộ của văn hóa, văn minh của thế giới, làm giàu văn hóa dân tộc và thúc đẩy tiến bộ xã hội... chúng ta cũng không thể không kể đến những bất lợi, thách thức mà chính sự hội nhập quốc tế đã đặt ra. Trong đó, một sự tác động khá mạnh mẽ đó là tác động tới văn hóa truyền thống, tới các quan hệ xã hội nói chung và quan hệ hôn nhân gia đình nói riêng. Trong quá trình giao lưu, hội nhập đã tạo ra những xu thế mới trong giới trẻ như: chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, kết hôn đồng giới hay hôn nhân vi phạm chế độ một vợ một chồng. Ở Việt Nam, không thừa nhận những quan hệ hôn nhân kể trên những tại một số quốc gia trên thế giới thì điều đó lại được thừa nhận và bảo vệ.

1.3.5. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật - công nghệ

Y học phát triển đã giúp con người xác định lại được giới tính thật của mình, thậm chí còn có thể phẫu thuật để chuyển đổi giới tính. Ở một số quốc gia trên thế giới đã cho phép chuyển đổi giới tính và kết hôn đồng giới như ở Đan Mạch, Anh, Mỹ, Ý... Và có thể nói, chính sự phát triển mạnh mẽ của khoa học hiện đại đã tạo điều kiện, cho con người có thể thực hiện được những quyền tự do cá nhân một cách tối đa nhất. Tuy nhiên, ở Việt Nam mới chỉ chấp nhận việc xác định lại giới tính chứ chưa hề thừa nhận những người chuyển giới hay kết hôn đồng giới. Vì thế hiện tượng kết hôn đồng giới vẫn là một trong những quy định về cấm kết hôn. Một thực tế đặt ra trong những trường hợp này đó chính là sự vi phạm sẽ ngày một tăng cao và mang tính chất phổ biến, nhất là trong xu thế của xã hội hiện đại ngày nay.

1.4. Pháp luật về kết hôn trái pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn phát triển

1.4.1. Những quy định về kết hôn trái pháp luật trong cổ luật Việt Nam

Trong lịch sử lập pháp của Việt Nam không thể không nhắc đến sự đóng góp to lớn của hai bộ Quốc triều Hình Luật và Hoàng Việt Luật Lệ. Đó là những chuẩn mực pháp lý được vua chúa đặt ra trong thời kỳ phong kiến nhằm điều chỉnh những mối quan hệ cả về hình sự, dân sự phát sinh trong đời sống xã hội.

Bộ Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức) là bộ luật hình chính thống và quan trọng nhất của triều đại Nhà Lê (1428-1788); là một thành tựu có giá trị đặc biệt trong trong lịch sử pháp luật Việt Nam. Trong đó riêng về lĩnh vực Hôn nhân và gia đình có 58 điều quy định về hộ tịch, hộ khẩu, hôn nhân gia đình và những tội phạm khác trong lĩnh vực này.

Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long) là bộ luật chính thức của Việt Nam thời đầu nhà Nguyễn do Bắc thành Tổng trấn Nguyễn Văn Thành soạn thảo và vua Gia Long cho ban hành năm 1815.

1.4.2. Những quy định về kết hôn trái pháp luật trong pháp luật Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

Trong thời kỳ này Việt Nam đang chịu ách đô hộ của thực dân Pháp, chúng áp dụng chính sách "chia để trị" nên đã chia Việt Nam thành ba miền tách biệt: miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Theo đó, tại mỗi miền chúng lại đặt ra những chính sách cai trị khác nhau. Tương ứng với hoàn cảnh lịch sử lúc đó là sự ra đời của ba Bộ luật điều chỉnh về vấn đề dân sự, hôn nhân gia đình:

Bộ dân luật Bắc Kỳ năm 1931 áp dụng tại miền Bắc

Bộ dân luật Trung Kỳ năm 1936 áp dụng tại miền Trung

Tập Dân luật giản yếu Nam Kỳ năm 1883 áp dụng tại miền Nam

1.4.3. Những quy định về kết hôn trái pháp luật trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mở ra một mốc quan trọng trong lịch sử dân tộc, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - một nhà nước độc lập đã chính thức được ra đời. Tuy nhiên, trên thực tế hòa bình mới chỉ được lập lại

ở miền Bắc Việt Nam, miền Nam vẫn chịu sự áp bức, bóc lột của đế quốc Mỹ, Việt Nam vẫn chia cắt hai miền.

Ở miền Bắc, Nhà nước đã ban hành Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất ghi nhận những nguyên tắc tự do, bình đẳng nam nữ, ghi nhận những nguyên tắc về hôn nhân tiến bộ, dần xóa bỏ đi chế độ hôn nhân phong kiến, lạc hậu. Cùng với đó là sự ra đời của các Sắc lệnh số 90 -SL cho phép áp dụng những quy định trong pháp luật cũ một cách có chọn lọc, Sắc lệnh số 97 - SL ngày 22/05/1950 đã sửa đổi một số quy định trong dân luật theo hướng tiến bộ. Ở miền Nam, dưới chế độ nguy quyền Sài Gòn và sự xâm lược của đế quốc Mỹ, quan hệ hôn nhân và gia đình cụ thể là quan hệ kết hôn được điều chỉnh trực tiếp bởi các văn bản pháp lý sau: Luật Gia đình ngày 02/01/1959 (Luật 1-59); Sắc luật 15/64 ngày 23/07/1964 (Sắc luật 15/64); Bộ Dân luật ngày 20/12/1972 của chính quyền nguy quyền Sài Gòn (Bộ Dân luật năm 1972).

1.4.4. Những quy định về kết hôn trái pháp luật trong pháp luật Việt Nam từ năm 1975 đến nay

Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 ra đời trên cơ sở kế thừa và phát triển những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 đồng thời cũng khắc phục những hạn chế không còn phù hợp của luật cũ, thay thế bằng những quy định mới theo hướng chặt chẽ và hoàn thiện hơn.

Cùng với sự thay đổi của chế độ xã hội qua từng thời kỳ, sau hơn 10 năm áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 đã bộc lộ những điểm không phù hợp, đòi hỏi cần phải có những quy định sửa đổi, bổ sung. Ngày 09/06/2000 Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2001

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Thực trạng các trường hợp kết hôn trái pháp luật và điều chỉnh pháp luật ở Việt Nam hiện nay

Kết hôn trái pháp luật không phải là một hiện tượng xa lạ trong đời sống xã hội. Ngay từ khi quan niệm về kết hôn xuất hiện thì cũng bắt đầu

xuất hiện những quan niệm về kết hôn trái pháp luật. Trong các giai đoạn trước, do ảnh hưởng của tình hình kinh tế - xã hội cũng như các yếu tố chính trị, văn hóa mà kết hôn trái pháp luật chủ yếu ở một số dạng vi phạm như: vi phạm về độ tuổi, vi phạm về sự tự nguyện... Ngày nay, các yếu tố như hội nhập quốc tế, sự phát triển về kinh tế - xã hội, sự phát triển về khoa học kỹ thuật đã ảnh hưởng trực tiếp tới các dạng vi phạm về kết hôn, những nguyên nhân như vi phạm sự tự nguyện của các bên, vi phạm về độ tuổi không còn là những vi phạm phổ biến, thay vào đó là các trường hợp kết hôn trái pháp luật do chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, kết hôn đồng giới, kết hôn với người đã có vợ, có chồng.

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được Quốc hội thông qua ngày 09 tháng 06 năm 2000 đã phần nào đáp ứng được yêu cầu thay đổi của xã hội. Nhấn mạnh hơn các nguyên tắc kết hôn. Mặc dù vậy, trải qua mười hai năm đưa vào áp dụng trong thực tế, với rất nhiều những thay đổi của xã hội, Luật Hôn nhân và gia đình cũng đã bắt đầu bộc lộ những thiếu sót, gây ra những bất cập trong thực tiễn áp dụng. Chương 2 của luận văn, chúng ta sẽ có một cái nhìn toàn diện về pháp luật thực định, thực tiễn áp dụng cũng như những bất cập gặp phải trên thực tế của các trường hợp kết hôn trái pháp luật khi vi phạm những điều kiện kết hôn quy định tại các Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

2.2. Thực trạng kết hôn trái pháp luật do vi phạm độ tuổi kết hôn

Độ tuổi là một trong số những điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 với nội dung như sau: "Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên". Theo đó, vi phạm về độ tuổi kết hôn là trường hợp một trong hai bên hoặc cả hai bên nam nữ chưa đạt đến độ tuổi quy định, trường hợp kết hôn vi phạm về độ tuổi còn được gọi là tảo hôn.

Ngày nay, xã hội đã có những bước phát triển lớn, cách nhìn nhận của con người về hôn nhân, gia đình đã đúng đắn hơn rất nhiều, hiện tượng vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi chỉ còn tồn tại ở một số dân tộc miền núi, thiểu số.

Đường lối xử lý cũng hết sức mềm dẻo, căn cứ vào tình trạng thực tế của cuộc hôn nhân mà có trường hợp xử hủy kết hôn trái pháp luật, có trường hợp không hủy kết hôn.

2.3. Kết hôn trái pháp luật do vi phạm về sự tự nguyện

Kết hôn là một sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ hôn nhân giữa hai chủ thể nam nữ được pháp luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận và quy định những điều kiện riêng. Một trong số những điều kiện đó là sự tự nguyện của các bên nam nữ khi kết hôn "Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào; không ai được cưỡng ép hoặc cản trở".

Mặt trái của sự tự nguyện đó chính là những hành vi ép buộc, lừa dối hoặc "cưỡng ép, cản trở" các bên nam nữ xác lập quan hệ hôn nhân là những hành vi vi phạm pháp luật về Hôn nhân và gia đình.

Kết hôn vi phạm sự tự nguyện là một hiện tượng diễn ra khá phổ biến trong xã hội phong kiến, nhất là đối với những gia đình có địa vị thấp kém trong xã hội. Ngày nay, hiện tượng này chủ yếu tồn tại ở một số dân tộc miền núi điển hình như tục "cướp vợ" của người H'mông.

2.4. Kết hôn với những người đang có vợ hoặc có chồng

Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 đã khẳng định một trong những nguyên tắc của hôn nhân đó là hôn nhân một vợ - một chồng. Do đó, người nào đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đã có chồng hoặc đã có vợ là kết hôn trái pháp luật.

Đây chính là bản chất tạo nên sự khác biệt cơ bản giữa pháp luật về Hôn nhân và gia đình của nước ta - một nước xã hội chủ nghĩa so với nhà nước phong kiến hoặc tư sản.

Theo pháp luật Việt Nam thì một người đã có vợ hoặc có chồng nhưng vợ hoặc chồng đã chết thì được kết hôn với người khác. Sự kiện một người chết có thể hiểu theo hai ý: đó là chết sinh học và chết pháp lý. Điều cần lưu ý ở đây chính là trường hợp chết pháp lý, tức là một người bị Tòa án tuyên bố chết nhưng sau đó lại trở về. Một trường hợp nữa vẫn tồn tại ở Việt Nam đến tận bây giờ đó là những quan hệ hôn nhân xác lập trước ngày Nghị quyết số 76 ngày 25 tháng 3 năm 1977 của Quốc hội về việc "Thông nhất pháp luật

giữa hai miền Nam Bắc" và công nhận một số ít trường hợp quan hệ đa thê đối với những cán bộ miền nam tập kết ra bắc mà lấy lại vợ hoặc chồng khác. trong những trường hợp này, pháp luật cần được vận dụng một cách linh hoạt.

2.5. Kết hôn với những người mất năng lực hành vi dân sự

Tại Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 quy định về những trường hợp cấm kết hôn đã nêu rõ: Cấm những người mất năng lực hành vi dân sự kết hôn.

Như vậy, có thể nói quy định cấm người mất năng lực hành vi dân sự kết hôn là một quy định hết sức cần thiết, phù hợp với quy luật tự nhiên của quan hệ hôn nhân, đảm bảo hạnh phúc thực sự của gia đình.

Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 ra đời đã bỏ quy định về cấm người mắc bệnh hoa liễu kết hôn. Ngoài ra, Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 cũng một lần nữa thống nhất với các văn bản khác và đưa ra quy định không đưa người mắc bệnh HIV vào những trường hợp cấm kết hôn.

2.6. Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ, những người có họ trong phạm vi ba đời hoặc đã từng có quan hệ thích thuộc

Tại khoản 3, khoản 4 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 đã chỉ rõ những trường hợp cấm kết hôn bao gồm: "Giữa những người cùng dòng máu về trực hệ, giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; Giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa những người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, bố chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, bố dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng".

Xét về mặt khoa học, việc cấm kết hôn giữa những người có quan hệ huyết thống để nhằm đảm bảo cho sự phát triển khỏe mạnh của con cái, sự phát triển bền vững và hạnh phúc của gia đình.

Xét về yếu tố phong tục, tập quán và những quy định về chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực văn hóa theo xã hội Việt Nam, thì việc cấm những người có quan hệ huyết thống kết hôn với nhau còn có tác dụng làm lành mạnh các

mối quan hệ trong gia đình, phù hợp với đạo đức và truyền thống từ xưa đến nay của dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, hiện tượng kết hôn cận huyết vẫn tồn tại ở một số dân tộc miền núi và vẫn là một vấn đề vô cùng nhức nhối.

2.7. Kết hôn giữa những người cùng giới tính

Một trong những chức năng không thể thiếu được của gia đình đó chính là chức năng sinh sản. Mà chức năng này chỉ có thể được thực hiện bởi hai chủ thể khác nhau về giới tính. Do đó, pháp luật Việt Nam đã dựa trên căn cứ thực hiện chức năng của gia đình và không thừa nhận kết hôn đồng giới.

Trên thế giới, các cặp đồng tính đã phản ứng rất mạnh mẽ đòi quyền tự do kết hôn, một số nước như Thụy Điển, Đan Mạch hay Mỹ đã thừa nhận và cho phép kết hôn giữa những cặp đồng tính.

Pháp luật Việt Nam cho phép cá nhân khi có sự nhầm lẫn về giới tính thì có quyền xác định lại giới tính của mình nhưng không chấp nhận việc chuyển đổi giới tính.

2.8. Kết hôn trái pháp luật do vi phạm về đăng ký kết hôn

Điểm mới nổi bật của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đó là: các quy định về việc đăng ký kết hôn đã cụ thể hơn và mang tính ràng buộc cao hơn.

Đăng ký kết hôn là một nghi thức bắt buộc, chỉ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký việc kết hôn cho họ thì giữa họ mới phát sinh quan hệ vợ chồng. Về thẩm quyền đăng ký kết hôn cũng được quy định rõ theo Điều 17 Nghị định số 158/2005/NĐ - CP của Chính phủ: Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú của bên nam hoặc bên nữ thực hiện việc đăng ký kết hôn.

Như vậy có thể nhận xét về tình trạng kết hôn vi phạm điều kiện đăng ký hiện nay đang diễn ra hết sức phức tạp. Và những vi phạm đó thường là chỉ được phát hiện khi hai bên có yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án. Điều đó chứng tỏ, những vi phạm này là những vi phạm rất khó nhận biết, tuy không ảnh hưởng nhiều đến quyền và lợi ích của các bên nhưng lại gây khó khăn cho các cơ quan quản lý hộ tịch trong việc xác định quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân của các công dân.

2.9. Vấn đề hủy kết hôn trái pháp luật

2.9.1. Người có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật

- Bên bị cưỡng ép, bị lừa dối kết hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự có quyền tự mình yêu cầu Tòa án hoặc đề nghị Viện Kiểm sát yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Viện Kiểm sát theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 và Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Cá nhân, cơ quan, tổ chức sau đây theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự có quyền tự mình yêu cầu Tòa án hoặc đề nghị Viện Kiểm sát yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật.

- Cá nhân, cơ quan, tổ chức khác có quyền đề nghị Viện Kiểm sát xem xét, yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật

2.8.2. Việc xử lý cụ thể đối với từng trường hợp kết hôn trái pháp luật

- Về nguyên tắc, khi có các hành vi kết hôn trái pháp luật mà vi phạm những điều kiện kết hôn, khi có yêu cầu thì Tòa án có quyền việc kết hôn trái pháp luật đó.

- Tuy nhiên, để xử lý những vi phạm đó, đòi hỏi quy định của pháp luật khi áp dụng cũng phải hết sức mềm dẻo và linh hoạt. Chính vì thế tại Nghị quyết số 02/2000/NĐ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 đã hướng dẫn rất cụ thể, áp dụng đối với từng trường hợp khác nhau. Tùy vào tính chất của từng loại vi phạm cụ thể, tùy vào tình hình thực tế của quan hệ hôn nhân mà pháp luật sẽ có sự áp dụng mềm dẻo, vừa đảm bảo được quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể vừa bảo vệ được hạnh phúc của gia đình và cá nhân.

2.9.3. Hậu quả pháp lý của hủy việc kết hôn trái pháp luật

- Quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng: khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì hai bên nam, nữ phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng. quan hệ vợ

chồng của họ từ trước đến nay là quan hệ trái pháp luật, không được pháp luật thừa nhận.

- Quan hệ tài sản sẽ được xử lý như quan hệ sở hữu chung theo phần. Bởi trong thời gian chung sống họ không được công nhận là vợ chồng, tài sản tạo ra trong thời kỳ hôn nhân không được xác định là tài sản chung hợp nhất

- Quan hệ giữa cha mẹ và con khi bị hủy việc kết hôn trái pháp luật không hề thay đổi, bởi theo quy định của pháp luật Việt Nam, quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con không phụ thuộc vào quan hệ hôn nhân của cha mẹ có hợp pháp hay không hợp pháp, còn tồn tại hay chấm dứt.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

3.1. Nhu cầu khách quan và phương hướng hoàn thiện pháp luật về kết hôn trái pháp luật

3.1.1. Nhu cầu khách quan

Trong xã hội quan hệ hôn nhân và gia đình là những quan hệ vô cùng quan trọng, đó chính là những tế bào của xã hội nơi nuôi dưỡng con người ta khôn lớn, trưởng thành. Một gia đình tốt mới tạo nên một xã hội tốt. Mà cơ sở đầu tiên để tạo lập nên một gia đình tốt, lành mạnh chính là việc kết hôn đúng pháp luật. Do đó, có thể thấy việc điều chỉnh quan hệ hôn nhân gia đình cụ thể là quan hệ kết hôn hết sức cần thiết. Pháp luật không chỉ dừng lại ở việc điều chỉnh những hành vi cụ thể mà ngay cả trong quan niệm của con người về kết hôn cũng phải thể hiện được đúng bản chất của cuộc hôn nhân đó. Những quan niệm này bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố bao gồm: chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội. Trải qua các giai đoạn, các thời kỳ khác nhau, xã hội có những cái nhìn khác nhau về gia đình, hôn nhân và cụ thể là về hôn

nhân hợp pháp hay không hợp pháp. Chính vì thế mà pháp luật luôn phải tự hoàn thiện mình bởi các nhu cầu khách quan sau:

- Nhu cầu khách quan của xã hội, xã hội luôn phát triển không ngừng do đó, pháp luật muốn phản ánh được đúng bản chất các mối quan hệ xã hội thì cần thiết phải hoàn thiện.

- Không chỉ xuất phát từ yêu cầu của xã hội, nhu cầu của con người cần được pháp luật phản ánh ý chí, nguyện vọng và được pháp luật bảo vệ quyền lợi. Pháp luật còn là một lĩnh vực tồn tại song song và chịu sự tác động rất lớn của các lĩnh vực khác nhau trong thực tế cuộc sống, cũng như sự tác động của các quy luật khách quan. Quy luật đó đòi hỏi pháp luật phải luôn tự thay đổi, tự đổi mới mình để theo kịp, phù hợp với các mối quan hệ khác phát sinh trong thực tế cuộc sống.

- Luật Hôn nhân và gia đình cũng là một ngành luật tồn tại trong mối quan hệ đồng bộ với những ngành luật khác tại Việt Nam, vì vậy, bản thân những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình cũng luôn phải tự được điều chỉnh.

3.1.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về kết hôn và kết hôn trái pháp luật

Pháp luật phải luôn phản ánh được bản chất khách quan của những mối quan hệ xã hội. Trước sự thay đổi không ngừng của những mối quan hệ đó, pháp luật cũng phải nỗ lực hoàn thiện mình để theo kịp và có giá trị điều chỉnh hợp lý. Vấn đề hoàn thiện pháp luật nói chung cũng như hoàn thiện pháp luật Hôn nhân gia đình nói riêng luôn là mục tiêu trọng tâm tại các cuộc họp của Ban chấp hành Trung ương Đảng và được ghi rõ trong các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc khóa X, XI.. Trong xu thế phát triển của xã hội Việt Nam hiện nay, có thể hoàn thiện pháp luật theo những phương hướng chủ yếu sau:

- Quan điểm tiếp cận vấn đề Hôn nhân và gia đình cần có sự điều chỉnh phù hợp với xu thế lấy "quyền" là mục tiêu. Điều chỉnh pháp luật là để hỗ trợ, thúc đẩy quyền con người trong hôn nhân gia đình được bảo đảm tốt hơn, phát triển hơn vì hạnh phúc của con người, lấy con người làm trung tâm

- Hoàn thiện pháp luật phải đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, thể chế hóa các quan điểm chủ trương của Đảng về xây dựng chế độ hôn nhân gia đình Việt Nam.

- Quan điểm xây dựng chế độ hôn nhân gia đình phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

3.2. Một số giải pháp và kiến nghị trong việc quy định về kết hôn trái pháp luật và xử lý việc kết hôn trái pháp luật ở Việt Nam

3.2.1. Các giải pháp lập pháp

- Về độ tuổi kết hôn, cần xem xét có hạ tuổi kết hôn của nam và nữ xuống hay không. Do sự thay đổi về điều kiện kinh tế xã hội nên tâm sinh lý của giới trẻ bây giờ đã có sự khác xa với những năm ra đời của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Cần bổ sung thêm những quy định về kết hôn giữa con riêng của chồng và con riêng của vợ, giữa những người con nuôi hoặc giữa con đẻ với con nuôi trong một gia đình

- Cần sửa đổi bổ sung quy định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 theo hướng quy định việc pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng của những cặp vợ chồng kết hôn bất hợp pháp kể từ khi họ có quan hệ bất hợp pháp đó, chứ không phải kể từ khi có quyết định của Tòa án.

- Trong những quy định về xử phạt hành chính khi có những vi phạm về kết hôn trái pháp luật. Theo Tọa nghị định số 87/CP về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực Hôn nhân và gia đình cần phải tăng lên cho phù hợp với những thay đổi chung của toàn xã hội.

- Đối với những trường hợp nhầm lẫn về giới tính, cần khuyến khích họ đi phẫu thuật để trở về giới tính đúng của mình về mặt y học, sau đó sẽ công nhận họ về mặt pháp lý. Trong trường hợp mà họ không thể thay đổi về mặt sinh học thì căn cứ pháp lý cũng nên thừa nhận họ.

- Kết hôn đồng giới; Về việc cấm kết hôn trong phạm vi huyết thống bao nhiêu đời thì phù hợp... Cần có một sự giải thích cụ thể để có một cách hiểu thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật.

3.2.2. Giải pháp trong việc áp dụng pháp luật

- Thay đổi phương thức quản lý từ hộ gia đình sang quản lý cá nhân theo chứng minh thư nhân dân nhằm quản lý tốt hơn về tình trạng hôn nhân của mỗi chủ thể trong xã hội.

- Pháp luật cần đặt ra chế tài cụ thể, nghiêm khắc hơn nữa nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong việc tiến hành đăng ký kết hôn tại cơ sở, tránh thủ tục đăng ký rườm rà.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền pháp luật tới các tỉnh miền núi.

KẾT LUẬN

Kết hôn trái pháp luật là những trường hợp kết hôn vi phạm điều kiện kết hôn hoặc rơi vào những trường hợp cấm kết hôn như trong quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Kết hôn trái pháp luật không chỉ xâm phạm tới những quyền, lợi ích hợp pháp của những chủ thể trong xã hội như những trường hợp kết hôn do vi phạm sự tự nguyện, kết hôn do vi phạm độ tuổi... mà còn đi ngược lại với những truyền thống, bản sắc dân tộc như những trường hợp kết hôn với những người đã có vợ, có chồng... Kết hôn trái pháp luật không phải là một hiện tượng mới mẻ trong xã hội Việt Nam, từ xưa đến nay, những hình thức vi phạm vẫn luôn tồn tại và đều được dự liệu trong các hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh. Trong tình hình xã hội Việt Nam hiện nay, dưới sự tác động của rất nhiều những yếu tố khác nhau: như kinh tế, chính trị, xã hội, hội nhập quốc tế, khoa học kỹ thuật... đã hình thành nên những cách suy nghĩ, những phong cách sống khác nhau, giá trị của gia đình đôi khi đã bị coi nhẹ, những điều kiện kết hôn không được chấp hành nghiêm chỉnh gây ra những bức xúc trong đời sống nhân dân. Có thể nhận thấy trong những năm trở lại đây kết hôn trái pháp luật ngày một phổ biến với những dạng vi phạm phong phú hơn, trở thành một nỗi nhức nhối của gia đình, xã hội.

Qua những nghiên cứu của luận văn, chúng ta có thể đánh giá được những vấn đề lý luận về kết hôn trái pháp luật trên các góc độ khác nhau,

qua đó nhận thấy đây là một vấn đề vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội, cần được quan tâm đúng mực. Bên cạnh đó, luận văn cũng đưa ra từng trường hợp vi phạm cụ thể để góp phần giải thích, làm rõ sự vi phạm, đánh giá những nguyên nhân cũng như quá trình áp dụng pháp luật trong việc giải quyết những vi phạm đó. Từ những vấn đề lý luận, soi vào pháp luật thực định và thực tiễn áp dụng mới thấy hết được những điểm mạnh cũng như những hạn chế của pháp luật hiện hành khi quy định về vấn đề này. Nhận thức được tầm quan trọng của việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, luận văn cũng đã chỉ ra những nhu cầu khách quan, những phương hướng hoàn thiện cũng như một số kiến nghị, giải pháp cơ bản góp phần hoàn thiện hơn nữa một hệ thống pháp luật Hôn nhân gia đình tiến bộ, bảo vệ quyền con người, vì con người.